

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 30/6/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Vân
2. Bà Hoàng Thị Oanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20/5/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Quách Nhật T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị H có mặt, anh T vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn N, xã V, huyện Sơn Dương (Nay là thôn Tam T, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn mà thường xuyên chơi bời dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Quách Phạm Mạnh Đ, sinh ngày 21/4/2010 và cháu Quách Phạm Diệu L, sinh ngày 27/7/2016. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2020, ông Quách S (bố đẻ của anh Quách Nhật T) là người làm chứng trình bày:*

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị H và anh T như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn ông không nắm rõ. Ông chỉ biết vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đến khoảng cuối năm 2017 do mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị H và anh T đã sống ly thân. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng vẫn đi về nhà, việc chị H khởi kiện ly hôn với anh T gia đình cũng có thông báo cho anh T biết. Quan điểm của ông là chị H và anh T mâu thuẫn đã quá lớn, hiện nay cũng không còn chung sống cùng nhau vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc giao nuôi con chung, kể từ khi vợ chồng chị H, anh T sống ly thân thì con chung đều ở cùng với chị H. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa nhà nên thời gian dành cho con cái không có. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Quách Nhật T. Về con chung: Giao cháu Quách Phạm Mạnh Đ, sinh ngày 21/4/2010 và cháu Quách Phạm Diệu L, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Phạm Thị H

trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Quách Nhật T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã V, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn N (nay là thôn T), xã V, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn thôn không nắm rõ. Đến khoảng cuối năm 2017 chị H và anh T sống ly thân từ đó đến nay. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Quách Phạm Mạnh Đ, sinh ngày 21/4/2010 và cháu Quách Phạm Diệu L, sinh ngày 27/7/2016. Chị H đề nghị được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu. Kết quả xác minh cho thấy hiện tại cháu Đ và cháu L đều đang ở cùng với chị H, do hiện nay anh T đi làm ăn xa nhà cụ thể công việc không rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc

giao nuôi con chung khi ly hôn, căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Quách Phạm Mạnh Đ, sinh ngày 21/4/2010 và cháu Quách Phạm Diệu L, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

#### ***Xử:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Quách Nhật T

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Quách Nhật T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Quách Phạm Mạnh Đ, sinh ngày 21/4/2010 và cháu Quách Phạm Diệu L, sinh ngày 27/7/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Quách Nhật T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003264 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Quách Nhật T không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/6/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

#### ***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã C (tỉnh Thanh Hóa);
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Tuấn Linh**



